



Đọc Lại “bắt trẻ đồng xanh”

Quán Như

Bắt Trẻ Đồng Xanh và *Câu Chuyện Của Dòng Sông* được Phùng Khánh và Phùng Thăng dịch và do nhà Xuất Bản Lá Bối phát hành khoảng năm 1964-65. Sách được hiệu đính và tái bản năm 2008. Hai tác phẩm này một sớm một chiều được thanh niên sinh viên thời bấy giờ chào đón nồng nhiệt và đã tạo ra một không khí hưng khởi cho phòng trào về nguồn, trở lại nghiên cứu các giá trị tinh thần của dân tộc Việt Nam, nhất là Phật Giáo.

Thật ra *The Catcher in the Rye* của J.D. Salinger đã được xuất bản lần đầu từ năm 1951, nghĩa là hơn một thập niên trước khi bản Việt dịch xuất hiện. Tác phẩm được các nhà phê bình văn học trên *New York Times*, *San Francisco Chronicle*, *Philadelphia Enquirer* và *Times* khen ngợi là một tác phẩm nổi bật nhất trong năm và nhân vật Holden Caulfield dần dần trở thành thần tượng của thanh niên Mỹ (và Tây phương) trong nhiều thế hệ. Vì Holden Caulfield chửi thề luôn miệng và có khuynh hướng chống đối lại các giá trị cổ truyền, tờ báo *The Christian Science Monitor* và *The Catholic World* chỉ trích Salinger cố tình cố động cho một lối sống “thiếu đạo đức”. Tuy nhiên những lời chống đối đó không làm giảm mức độ hấp dẫn và chinh phục độc giả của *The Catcher in the Rye* trong một thời đại mà thanh niên bị hấp lực của phong trào hướng về Đông Phương “Go East Young Men” vào các năm cuối thập niên 50. Trong vòng 3 tháng, *The*

Catcher đã trở thành một tác phẩm bán chạy nhất trong danh sách của tờ *Times* và tiếp tục qua mặt của các tác giả cổ điển tài danh khác như James Jones, tác giả *From Here to Eternity*. *The Catcher* đồng thời được xuất bản ở Anh và cũng được các nhà phê bình Anh khen ngợi, mặc dù trước đó nhà xuất bản lo ngại độc giả Anh có thể có phản ứng tiêu cực vì lối văn “nói” và phương ngữ của Mỹ. Khoảng ba năm sau khi bản dịch tiếng Việt của Phùng Khánh ra đời (1965), tức là vào năm 1968, *the Catcher in the Rye* được xem như là một trong năm tác phẩm bán chạy nhất trong lịch sử văn chương Mỹ kể từ năm 1895. Hiện nay mỗi năm vẫn còn 250 ngàn độc giả bỏ tiền ra mua các ấn bản mới. *The Catcher* hiện nay được đưa vào danh sách các tác phẩm giáo khoa dành cho học sinh trung học nghiên cứu. Tôi thú nhận là hề có ấn bản mới của *The Catcher* phát hành là tôi mua để trên kệ sách và hiện có ít nhất là bốn ấn bản *The Catcher* khác nhau.

Nhân vật chính, Holden Caulfield, lấy từ tên của một cô đào chiếu bóng sau thế chiến thứ Hai, Joan Caulfield, mà Salinger xem như là người “trong mộng”. Holden Caulfield, mới 16 tuổi, cũng như các thanh thiếu niên mới lớn khác, đang trải qua cơn khủng hoảng tinh thần. Anh vừa biết tin bị đuổi khỏi trường vì thi rớt tất cả mọi môn, trừ môn Anh ngữ. Ông hiệu trưởng sẽ gọi thư báo tin cho cha mẹ anh vào ngày thứ Tư,

ngày cuối niên khóa. Tuy nhiên Holden quyết định rời trường vào chiều thứ Bảy và lấy xe lửa về New York. Anh không thể về nhà ngay được vì sợ cha mẹ khám phá anh lại bị đuổi. Holden cảm thấy bất an. Lang thang giữa thành phố New York, anh chợt nhớ đến mấy con vịt trong hồ Central Park vào mùa đông. Anh tìm cách gọi chuyện với nhiều người lạ, với người tài xế tắc xi, lục số điện thoại để rủ một người quen cũ đi uống rượu. Vào quán rượu với một cô bạn gái, gây gổ nặng lời và say lướt lướt. Tựa *The Catcher in the Rye* lấy từ một câu trong bài hát của Robert Burns “*Nếu một người nào bắt được một người nào chạy ra từng cánh đồng lúa*”.

Tôi tưởng tượng có nhiều đứa trẻ đang chơi một trò chơi nào đó trên một cánh đồng lúa lớn. Hàng ngàn em, hàng ngàn em đều nhỏ như nhau, không có một người lớn nào ở gần đó—trừ tôi. Công việc duy nhất của tôi là chờ sẵn và hễ khi có một em nào vô ý sẩy chân và sắp sửa rơi xuống từ vách đá, tôi dang tay đón bắt từng em. Cả ngày tôi chỉ làm chùng nẩy công việc. Tôi chỉ làm công việc bắt trẻ đồng xanh. Tôi biết đó là một điều điên rồ, nhưng đó là công việc duy nhất mà tôi thích làm!

Bảo vệ các em khỏi ngã xuống vách đá có nghĩa là bảo vệ sự ngây thơ thuần khiết để các em khi “lớn lên” đừng biến thành phonies như biết bao người mà Holden đã gặp. Holden rất cô đơn mặc dù sống ngay giữa thành phố New York. Holden không có người nào khả dĩ gọi là bạn thân trên đời. Khi cô em gái Phoebe thách thức Holden, yêu cầu anh cho biết tên một người mà anh thích nhất. Holden áp a áp ứng, cuối cùng nhắc tới một người em trai đã qua đời. Khi Phoebe hỏi lớn lên anh thích làm nghề gì, Holden nhắc tới công việc điên rồ là *bắt trẻ đồng xanh*.

Cũng như thế hệ hippies vào các năm 60, Holden không phải là người lạnh nhạt, quay mặt lại với đời sống. Trái lại anh yêu vô cùng đời sống, trang trọng và nhạy cảm đối với người khác, yêu tuổi thơ và muốn sống vô tư, tự nhiên và trung thực. Anh chống đối các hình thức trói buộc về luân lý và xã hội. Cả một thế hệ yêu cuồng sống vội, vấy bẩn tóc dài không phải là một thế hệ thiếu lý tưởng hay thấy đời sống vô nghĩa, đó chỉ

là một thái độ phản kháng quyết liệt lại những trói buộc của xã hội. Chính ra thế hệ hippies là những người vô cùng nhạy cảm, nhất là đối với những khổ đau của người khác. Họ bắt đầu thấy thấp thoáng ánh sáng Châu Á và kỳ lạ thay, họ sống như những Phật Tử, bởi không ai có thể tự gọi mình là Phật Tử nếu không nhạy cảm với những khổ đau của người khác. Nếu không nhạy cảm với người khác, làm sao các thanh niên Mỹ vào thập niên 60 và 70 dám hy sinh chuyện học hành, sự nghiệp, cả đến mạng sống, xuống đường biểu tình, đem hoa cài trên đầu họng súng, thách thức các vệ binh quốc gia Mỹ “*Make Love, Not War*”.

Có tới ba lần trong *The Catcher* Holden tỏ ý ‘lo lắng’ cho mấy con vịt trong hồ ở công viên Central New York. Lần thứ nhất trong khi ông giáo dạy Sừ, già lụ khụ giảng luân lý, Holden lơ đãng và trong lòng băn khoăn không biết khi mặt hồ bị đóng băng, mấy con vịt đi về đâu. Không biết có ai đem xe chở mấy con vịt về một chỗ trú ẩn nào khác hay chúng phải tự bay đi như các loài diều khác! Hai lần sau Holden nhắc mấy con vịt với hai người tài xế tắc xi. Người tài xế thứ nhất nghi ngờ cậu bé có tâm thần bất thường, xăng giọng: “*Cậu nói những nói cuối gì vậy? Bộ giống há?*” Người tài xế thứ hai tử tế hơn, tuy nhiên lúng túng vì câu hỏi ngớ ngẩn: “*Ai? Đi đâu? Ai để ý làm gì mấy chuyện lảm cẩm như vậy!*” Tuy nhiên người tài xế này sau đó bàn luận với Holden về một chuyện ngớ ngẩn khác: mấy con cá trong hồ làm gì trong mấy tháng mùa đông. “*Chúng không đi đâu cả, chúng bị đông cứng và ở yên một chỗ cho đến hết mùa đông!*” Câu đối thoại của hai người điên? Trên đời này mấy người có thì giờ quan tâm tới số phận của mấy con vịt và mấy con cá trong hồ vào mấy tháng mùa đông như Holden!

Ai cũng biết các đệ tử của Phật lúc đi khát thực phải cúi nhìn xuống đất để tránh giẫm lên các côn trùng. Trong mùa mưa họ phải ở lại tịnh thất vừa để tu tập, vừa tránh đi ra ngoài đường mấy tháng mưa, mùa côn trùng bò lên sống ngổn ngang trên mặt đất. Nếu ai nghĩ Đức Phật lo lắng thái quá cho các loài côn trùng sâu bọ, sẽ còn bị “sốc” hơn nữa khi nghe Đức Phật dạy các đệ tử trước khi uống một ly nước lạnh, phải niệm chú

vãng sinh cho 84 ngàn vi sinh vật sống trong đó. Chùng nào chưa hiểu đức “hiếu sinh” của tu tướng Đông Phương, nhiều người vẫn còn xem mấy chuyện này là mấy chuyện lâm cảm!

Holden dĩ nhiên không những nhạy cảm với mấy con vịt, anh cực kỳ nhạy cảm với những người chung quanh. Anh lúc nào cũng rộng rãi với bạn bè, sẵn sàng cho họ mượn những vật dụng riêng tư của mình, kể cả Stradlater, người bạn cùng phòng mà anh đã đánh lộn. Sở dĩ anh đánh nhau với tên này chỉ vì anh nghi ngờ y giở trò chim chuột sờ khanh với một cô láng giềng cũ. Và cô ngày chỉ là một cô láng giềng, chớ không phải bồ bịch gì của anh.

Khi gặp hai bà sơ ở gần nhà ga, anh tặng hai bà sơ 10 đồng (hơn nửa số tiền mà anh có trong túi) mặc dù hai bà sơ chỉ đi nhận nhiệm sở dạy học, chớ không có đi quyên tiền. Sau đó Holden cứ ân hận mãi về chuyện anh hỗn láo phà khói thuốc vào mặt hai bà sơ.

Đêm Chủ Nhật, sau khi lên về thăm Phoebe, Holden gọi điện thoại cho một người thầy cũ để xin ngủ nhờ một đêm. Ông này là người duy nhất trong cuốn truyện mà Holden thích và kính trọng. Holden trước đó chứng kiến cảnh ông thầy săn sóc một học sinh bị một nhóm học sinh du đảng khác uy hiếp, đến nỗi phải nhảy xuống lầu. Chính ông này đã tự cởi áo đắp lên người nạn nhân và mang em đến bệnh xá cấp cứu, trong khi các nhân viên khác cố tình lảng tránh. Nửa đêm khi Holden giật mình tỉnh dậy, anh cảm thấy bàn tay của ông thầy mà anh kính mến đang mân mê trán mình. Có thể ông thầy là một loại người bi-sexual, nhưng Holden cứ băn khoăn sợ mình có hiểu lầm thái độ của thầy không.

Trong *The Catcher*, anh đã châm biếm, chế giễu, chửi thề những người đạo đức giả này. Thế nhưng Holden không hề ghét bỏ mà chỉ thương hại họ. Đến cuối quyển sách, Holden hỏi tiếc việc anh đã kể một câu chuyện dính líu tới nhiều người. Anh còn cảm thấy “nhớ” tất cả mọi người mà anh nhắc tới trong chuyện, kể cả tên ma cô Maurice.

Một nhà văn khác cũng nhắc đến sự thanh khiết của trẻ em là Saint Exupery trong *The Little*

Prince. Tuy nhiên Hoàng Tử Bé của Saint Exupery đến từ một tinh cầu khác. Sự tương phản giữa hồn nhiên và “người lớn” của Saint Exupery có tánh cách triết lý hơn. Đó là sự khác nhau giữa những gì cao cả và tầm thường của đời sống. “Người lớn” bị đời sống điều kiện hóa, không còn có cái nhìn trong sáng như trẻ con, mà chỉ thấy toàn những con số. Khi trẻ con mô tả một căn nhà gạch hồng, với giàn hoa phong lữ đỏ thắm trên khung cửa sổ, có các con bọ câu đang gật gù trên mái nhà, người lớn chỉ quan tâm xem căn nhà đó trị giá bao nhiêu tiền. “Người lớn” là một người chưa bao giờ người thấy mùi hoa bưởi hoa cau, chưa hề “thấy” trăng sao, chưa bao giờ nhìn rõ khuôn mặt người thân. “Người lớn” là những người mù vì không bao giờ chịu nhìn người khác và sự vật bằng tâm hồn của mình. Saint Exupery cũng cho Hoàng Tử Bé về quê nhà ở một tinh cầu xa bằng ẩn dụ con rắn trong vườn địa đàng, khi con người đánh mất hồn nhiên.

Salinger, hay Holden, trái lại đang sống trong cõi ta bà, giữa thành phố New York, một thành phố tự hào là không bao giờ biết ngủ. Nhưng Holden cũng cô đơn không kém gì Saint Exupery trong sa mạc Sahara, nếu không muốn nói là còn cô đơn hơn. Holden hầu như không kết thân được với ai, kể cả cha mẹ và người anh cả. Trong đời này nếu còn có người nào mà anh còn có thể thân cận được, đó là cô em Phoebe và có lẽ một người nữa, Allie, đứa em trai đã mất.

Phoebe là người duy nhất dám thách đố Holden và Holden phải chịu khó trả lời. Khi bị Phoebe căn vặn yêu cầu Holden cho cô biết tên một người hay một việc nào anh thích, Holden không nghĩ ra được một người nào. Cuối cùng anh phải chống chế, nhắc đến Allie, và Phoebe. Khi có ý định muốn bỏ đi một nơi thật xa, Phoebe là người duy nhất mà Holden muốn đến từ giã trước khi lên đường đuổi theo giấc mộng. Và Phoebe cũng là người duy nhất làm anh khóc sụt mướt khi cô bé đưa cho anh ‘mượn’ tất cả tiền mà cô được cha mẹ cho trong dịp lễ giáng sinh. Có lẽ cô bé đếm tiền từng xu, từng ngày. Cô nói: “*Đây, tám đồng tám mươi lăm xu*”. Nhưng Phoebe đính chánh ngay: “*Tám đồng sáu mươi lăm xu! Em có tiêu một ít tiền!*”

Thình lình tôi bật khóc làm nhỏ Phoebe sợ quá. Nhỏ Phoebe choàng tay và đỡ dành cho tôi nín, nhưng một khi bắt đầu khóc, không ai có thể ngừng được. Phoebe choàng tay ôm tôi và tôi cũng choàng tay ôm cô bé và một lúc lâu sau tôi mới nín khóc được.

Người thứ hai Holden có thể “nói chuyện” được là Allie, đứa em đã qua đời. Sau khi ngủ một đêm ở nhà ga, Holden đi dọc theo đại lộ Thứ Năm, để đến bảo tàng viện chờ em. Holden có thể đã bị trải qua quá nhiều biến cố trong hai ngày, tinh thần của anh như một dây đàn căng thẳng quá độ. Khi băng qua đường anh có một ảo giác là anh sẽ không bao giờ đến được lề bên kia. Anh có cảm tưởng anh càng ngày càng lún dần, lún dần và cuối cùng biến mất không còn ai thấy anh nữa. *Gate gate, para samgate*. Và anh đã làm một chuyện mà từ trước tới giờ anh chưa hề làm. Khi gần tới bờ bên kia, anh “khẩn cầu” Allie “*Allie đừng để anh biến mất. Allie đừng để anh biến mất*”. Và khi đến bờ bên kia, Holden nói: “*Cám ơn em, Allie*”. *Bodhi-sattva*. Khi qua được bờ bên kia, Holden ngồi xuống một băng đá và quyết định sẽ không về nhà nữa, sẽ bỏ đi một nơi thật xa, một nơi không có ai biết anh. Anh sẽ giả làm một người vừa câm vừa điếc và như thế anh sẽ không cần phải nói chuyện với bất cứ một người nào khác. Anh sẽ dành dụm tiền để xây một căn nhà gỗ ven rừng, và nếu có muốn lập gia đình, anh sẽ lấy một người đàn bà đẹp, cũng vừa câm vừa điếc khác.

Đoạn cuối tả cô bé Phoebe xách va li cũ cồng kềnh để đi theo anh về miền rừng núi Colorado là một đoạn văn tuyệt đẹp, theo tôi, còn xúc động hơn đoạn văn tả cảnh biệt ly giữa Saint Exupery và Hoàng Tử Bé. Phoebe giận anh vì lần đầu tiên bị Holden mắng “*câm miêng lại*”. Phoebe đi bên kia đường trong khi Holden đi bên này đường, hướng về phía sở thú, nhưng hai người luôn trông chừng nhau vì sợ lạc. Khi đến chỗ có trò chơi cưỡi mấy con ngựa gỗ, Phoebe hết giận anh và lên cưỡi ngựa. Trời bỗng đổ mưa như trút nước. Holden ngồi trên băng đá “*Người tôi ướt đầm đìa. Nhưng tôi bất cần. Thình lình tôi cảm thấy vô cùng hạnh phúc*.” Như trong lời hát của một bản nhạc vào các năm 60 “*It’s happening now*”. Giả sử như một người chột

ngộ, họ có cảm giác như thế nào? Tôi nhớ trận mưa rừng Nhật Hạnh đã tả trong *Nẻo Về Cửa Ý*.

Phùng Khánh dịch tác phẩm *Câu Chuyện Của Dòng Sông* của Herman Hess là điều dễ hiểu. Nhưng *Bất Tré Đồng Xanh*? Tôi tưởng tượng nỗi bối rối của Phùng Khánh khi phải tìm một chữ để dịch các tiếng chửi thề: “*goddamn*”, “*Phony bastards*”, “*my ass*”, ... Tôi không nghĩ Phùng Khánh chỉ muốn dịch một tác phẩm ăn khách. *Bất Tré Đồng Xanh* không phải chỉ phản ánh sự khủng hoảng của một thanh niên mới lớn như Holden nhưng còn phản ánh tâm trạng *bất an* của thanh thiếu niên Mỹ (và Âu Châu) lúc bấy giờ. Họ dần dần đánh mất niềm tin vào những giá trị cố hữu. Giữa thập niên 50 nhờ các công trình của D. T. Suzuki, nhất là ba quyển *Thiền Luận* và các hoạt động của American Zen Centre, Phật Giáo đã bắt đầu ảnh hưởng khá nhiều đến thành phần thanh niên, trí thức, khao khát đi tìm ánh sáng Phương Đông. Tác phẩm *On the Road* của Jack Kerouac phản ánh phong trào thanh niên lên đường thời đó: một ba lô *rugsack* trên vai, một ít tiền, đưa ngón tay cái chỉ lên trời xin *quá giang* đi khắp nước Mỹ, đi qua biên cương nước Mỹ, tới Ấn Độ, Tây Tạng, Sri Lanka, Nepal, Nhật và Đại Hàn để “*tầm đạo và học đạo*.” (Nhà Văn Lưu Nhon Nghĩa có nhắc đến một nhà sư người Đức đến Việt Nam) Đó là các thể hệ mà chúng ta quen gọi là Hippies, “*Đông Du Ký*”, sống hình như không có ngày mai. Đó là những “*tân tăng*” phản đối những qui thức xã hội Tây Phương, chống đối chú trọng quá nhiều tư hữu, kể cả tư hữu tình ái. Họ sống trong lục hoà *Make Love, Not War*. Trong số những “*tân tăng*” này, có người thọ giới, rồi cời áo, lập gia đình, lập thiền viện, sáng tác, nghiên cứu và sau 20 năm, họ đã trở thành những nhà văn lớn, nhà thơ nổi tiếng, xuất bản những công trình nghiên cứu qui mô về đạo Phật. Họ thuộc trong thể hệ thường được gọi là *Beat Generation*. Họ đã trở thành những sa môn hộ pháp đắc lực trong việc truyền bá Đạo Phật trên đất Mỹ và Tây Phương. Không ai lấy làm lạ khi thấy thanh niên Mỹ mê Holden, mê Salinger, mê Kerouac và mê ... James Dean. Đó là thời mà Tổ Đạt Ma xuất hiện trong các bộ tát hoá thân, đã hỏi thanh niên Mỹ: “*Các cậu đưa tâm ra đây*

để ta an cho.”

Salinger là một nhà văn có cuộc đời bí hiểm và khó hiểu nhất, so với những nhà văn Mỹ khác. Sau *The Catcher* ông viết thêm một tuyển tập truyện ngắn và một chuyện dài khác, *Seymour, An Introduction* và khi danh vọng đang lên như triều và tác phẩm bán chạy nhất trong lịch sử văn chương Mỹ, ông đã không xuất bản thêm một tác phẩm nào khác, hoàn toàn cắt đứt liên lạc với thế giới bên ngoài. Có lẽ ông theo gương tổ Đạt Ma, ngồi diện bích từ hơn 40 năm nay trong một trang trại ở Cornish, Colorado.

Con gái của Salinger, bà Margaret, trong *Dream Catcher*, gần đây đã hé lộ một vài quan niệm về sáng tác và đời sống của ông. Đối với ông, “viết văn là một cuộc hành trình để tìm giác ngộ” và ông muốn dành cả cuộc đời để thực hiện một tác phẩm lớn, và tác phẩm này không gì khác hơn là chính cuộc đời của ông. Như Rilke hay Holderlin, viết văn và làm thơ là một cách sống, một cách ở đời. Margaret cũng tiết lộ là Salinger có lần dự định “xuất gia” thành một tỳ kheo, đã từng làm bạn với D.T. Suzuki, từng ngồi thiền nhiều lần có lẽ dưới sự hướng dẫn của Đại Sư tại thiền thất Thousand Islands. Tuy nhiên, cũng theo Margaret kể, Salinger bỗng nhiên đổi cách tu tập, theo một pháp môn Ấn Giáo Vedanta, dưới sự hướng dẫn của tu sĩ Bà La Môn, Swami Nikhilananda. Trong khi Phật Giáo khuyến khích sa môn nên dành cả cuộc đời tu tập bằng cách “cát ái từ thân”, tuy nhiên không có thái độ quyết liệt về tình dục như giáo lý Vedanta. Có lẽ vì thế các nhân vật của Salinger ít “phóng túng” hơn các nghệ sĩ trong thiền Beat sau này.

Ảnh hưởng của ánh sáng đông phương, nhất là Phật Giáo, trong các năm đầu thập niên 50 (*Bắt Trẻ Đồng Xanh* phát hành lần đầu năm 1951) mở cửa cho một thời kỳ mà nhiều học giả gọi là thời chuyển pháp luân lần thứ Tư, phần lớn ở Tây Phương, nhờ những nhà văn hippies này. Đây là thời kỳ Phật Giáo không còn được xem như những công trình nghiên cứu kinh viện của các học giả già lụ khụ. Phật Giáo hiển hiện như một đóa hoa nhiều màu sắc rực rỡ, đầy thách thức và có sức hấp dẫn mời gọi. Các hộ pháp thường không phải là các nhà sư nghiêm trang trong

chiếc áo tràng, mà là các văn nghệ sĩ *On the Road*. Các học giả Beat sau này đã trở thành những giáo thọ hay học giả Phật Giáo nổi tiếng, như Robert Aiken và Philip Kapleau. Nhưng nhóm văn nghệ sĩ chịu ảnh hưởng của Thiền trong sáng tác đã định tính cho mối liên hệ giữa văn nghệ và Phật Giáo. Các văn nghệ sĩ Beat đã mở cửa cho một nhân sinh quan mới, một lối sống ngông cuồng, nổi loạn và phá vỡ những khuôn khổ ước lệ cùng một lối sáng tác cực kỳ phóng túng. Ba người khai sáng phong trào Beat sau này đã trở thành những nhà văn, nhà thơ nổi tiếng cũng như là những vị chuyển luân pháp vương thời đại của nước Mỹ. Jack Kerouac, sau *On The Road*, biểu trưng “cho thế hệ thanh niên Mỹ vào thập niên 50 sống loạn cuồng trong âm nhạc và tình dục, thách đố các khuôn mẫu cũ kỹ”. Đây là những Dharma Bums, tạm dịch là những Phật Tử hippies. Gary Snyder chủ trương vừa thực tập thiền quán vừa làm tình tập thể, sau đó cặm cụi ngồi dịch thơ Hàn San, bài thơ của các Sư đã khắc các bài thơ trên vách núi để vượn và khi đọc! *Cô Tô thành ngoại Hàn Sơn Tự. Dạ bán chung thanh đảo khách thuyền*. Khi đến tuổi tri thiên mệnh, Snyder tổ chức một thiền thất, vẫn tiếp tục dịch thơ Hàn San và được trao giải Pulitzer về thơ năm 1974. Thi sĩ Ellen Ginsberg được xem như một Walt Whitman mới. So với các tác phẩm của Beat, *Bắt Trẻ Đồng Xanh* còn quá hiền lành. Ngay cả một học giả “lão thành” của thiền Square, Alan Watts, chỉ trích các văn nghệ sĩ Beat là quá phóng túng.

Tình trạng tinh thần của thế hệ thanh niên Việt Nam vào thập niên 60, theo tôi, cũng tương tự như tâm trạng các thanh niên Mỹ mười năm trước đó. Phong trào đọc Thiền, nghiên cứu triết lý Thiền, thực tập Thiền, làm thơ Thiền được phát động rầm rộ. Phật Tử, nhất là những người thuộc phong trào sinh viên, văn nghệ sĩ và trí thức, rũ bỏ được một gánh nặng ngàn cân của các hình ảnh tiêu cực về Phật Giáo, những nghi lễ nặng nề, những cách tu tập mê tín. Thoát khỏi những tác phẩm với cái nhìn “đọt sóng mới” hợp với tâm thức những người trẻ, khiến Đạo Phật xuất hiện như cảnh hoa thược được “mím nụ nhiệm màu”.

Phùng Khánh thành thơi, nhẹ nhàng bắt trẻ đồng xanh với cái tâm không phân biệt. Nhưng ai chị cũng bắt, cũng cứu. Bò Tát mà còn phân biệt thì đâu còn Bò Tát nữa. Đối với chị ai cũng là trẻ đồng xanh, cần bắt trước khi họ rơi khỏi vách đá. *Chúng sanh vô biên thể nguyện độ.*

Tôi nghĩ đó là công việc duy nhất mà chị cũng như Holden muốn làm, ở bên này bờ, cũng như ở bên kia bờ. *Happy Catching*, chị Phùng Khánh.

Quán Như

Sách đọc trước khi viết:

- I. Hamilton. *In Search of J.D. Salinger*. Heinemann London, 1988
- J. Kerouac. *On the Road*. Penguin Books, ấn bản 1991
- J. Kerouac. *The Dharma Bums*. Flamingo. 1994
- A. Saint-Exupery. *The Little Prince*. Penguin Books, 1998.
- J.D, Salinger. *The Catcher in the Rye*, Penguin Books, ấn bản 1994
- M. A. Salinger. *Dream Catcher*. Washington Square Press, New York, 2000.

Thơ ♥nguyễntriềuanhtâm

con tim hạn hẹp

loài người tổ chức thể vận hội,
họ tranh tài thi đua về thân thể
làm sao ngày càng mau, càng mạnh, càng cao, càng xa...
và ban thưởng nhau những huy chương vàng bạc,
tung hô nhau như những anh hùng...

loài người ca tụng tình yêu thương nhân loại,
không phân biệt màu da
nhưng em bé gái xấu mặt
không được cho hát bài ca lộ diện!

những đóa pháo bông lộng lẫy huy hoàng
khai mạc cuộc vui,
người ta cũng làm giả mạo
như tình yêu em giả mạo với ta
dù bao nhiêu lần ân ái,
nghĩa lý gì hai chữ thủy chung?!

tình yêu em sao chứa được trong con tim hạn hẹp
khi còn bầy trẻ con xú nghèo đói với bao tử xẹp ve?
ngọn đuốc soi sáng cho trăm ngàn lực sĩ
có soi sáng cho lương tâm một lần làm em hãnh diện
em ngọt ngào làm trang điểm cho cuộc đời ta?

thành tích đếm được bằng những huy chương,
là một sự đo lường cao đẹp?
con tim em chứa được bao nhiêu huy chương vàng bạc?
sao lòng nhân từ giới hạn,
khi người mẹ không có sữa nuôi con?!

đứa trẻ em nghèo thiếu ăn,
không có gì nuôi bao tử,
làm sao tranh đua cử tạ, chạy xa?
đầu óc ta cũng đói,
nhét đầy những rom rác cỏ khô,
con tim em còn những lời ngọt ngào tha thiết,
cho tình yêu ta thắm hoa?